TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2026/HS-PT
Ngày: 29 - 01 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 456/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1, Nguyễn Văn Vũ P, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 672/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Vũ Xuân T2 năm 2004Thành phố Hồ Chí MinhThường trú: 2 P, Phường F, Quận H, Thành phố H P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 2 P, Phường F, Quận H, Thành phố H P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Giữ xetrình độ học vấn: 9/12dân tộc: Kinh; giới tính: Namtôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Đức C Võ Thị T3 cảnh gia đình: Chưa có vợ, contiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 03/10/2023 (có mặt).

2. Phan Hoàng T4 năm 2005Thành phố Hồ Chí MinhThường trú: Số A Đ, Phường G, Quận H, Thành phố H Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Khôngtrình độ học vấn: 9/12dân tộc: Kinh; giới tính: Namtôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Hoàng Tâmbà Nguyễn Thị T5 cảnh gia đình: Chưa có vợ, contiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 03/10/2023(có mặt).

3. Nguyễn Văn Vũ P1 năm 1993tỉnh Vĩnh LongThường trú: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinhlà ấp H, phường A, tỉnh Vĩnh Long); Tạm trú: A15/461A, ấp C, xã P, huyện B, Thành phố H, ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí

Minh); nghề nghiệp: lao động tự dotrình độ học vấn: 5/12dân tộc: Kinh; giới tính: Namtôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Hảibà Lâm Thị H1 cảnh gia đình: Có vợ là Lý Tuyết L và 03 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2025)tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa:*

1. Bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân T: Luật sư Nguyễn Văn B thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

2. Bào chữa cho bị cáo Phan Hoàng T1 theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đoàn Trọng N thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

3. Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Vũ P: Luật sư Lê Thanh S thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (vắng mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/10/2023, Trương Văn X điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 59T2-094.26 chở Nguyễn Hoàng V (tên thường gọi Trường V1) đến quán "Ốc Lan", địa chỉ số B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để mua nước ngọt thì thấy Vũ Xuân T, Trần Thị Bích Đ (là bạn gái của T), Bùi Minh C1, Cao Lương Mai V2, Cao Hoàng T6, Phan Hoàng M và Nguyễn Trương Thanh H2 đang uống rượu, bia tại quán. Khi X và V1 về nhà tại địa chỉ số B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, V1 nhận được tin nhắn của T qua mạng xã hội Facebook với nội dung "Anh nhìn tôi cái gì?". V1 gọi điện cho T bằng M1, xảy ra cự cãi và hẹn gặp nhau tại đầu hẻm B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh nhau. Sau đó, V1 rủ X, Trương Văn S1 và Trương Minh L1 cùng tham gia, cả nhóm đồng ý. V1 mang theo 01 cây dũ ba khúc, X cầm theo 01 con dao dài khoảng 35cm, S1 (S1 nhìn thấy V1 mang theo hung khí chuẩn bị đi đánh nhau) và L1 không mang theo hung khí.

Đối với nhóm của Vũ Xuân T: khoảng 01 giờ 20 phút cùng ngày, T điện thoại cho Phan Hoàng T1 yêu cầu T1 chuẩn bị hung khí, đồng thời rủ Bùi Minh C1 và Cao Hoàng T6 cùng đi. T đeo thêm 01 thắt dây lưng, có mặt dây thắt lưng là con 01 mặt là con dao dài khoảng 18,5cm, bằng kim loại, lưỡi dao sắc nhọn (con dao có thể tháo rời khỏi thắt lưng), điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 59T1-908.44 chở C1, T6 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59L3-186.83 đến nhà của T1, địa chỉ số A Đ, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. T1 chuẩn bị 02 cây dao tự chế, dài khoảng 80cm để trong túi đựng đồ câu cá và đeo thêm 01 thắt dây lưng, có 01 mặt dây thắt lưng là con dao dài khoảng 16,5cm, bằng kim loại, lưỡi dao sắc nhọn (con dao có thể tháo rời khỏi thắt lưng). Tại đây, T1 đưa cho T 01 con dao tự chế, C1 điều khiển

xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 59T1-908.44 chở T, T1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59L3-186.83 chở T6 đến gặp nhóm của V1.

Khi đến hẻm B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 thấy V1 là người quen nên nói C1 và T6 mang 02 con dao tự chế đi về, còn T1 và T ở lại nói chuyện với nhóm của V1 thì hai bên xảy ra cự cãi. T dùng tay không tát vào mặt L1 01 cái, L1 dùng tay không đánh trả lại T. T liền lấy con dao dài khoảng 18,5cm đâm trúng vào đùi trái của V1 (đang đứng bên cạnh L1), rồi tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhát vào vùng ngực trái của L1, làm L1 ngã gục xuống lề đường (trước địa chỉ số B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). T1 lấy con dao dài khoảng 16,5cm rượt đuổi X, X lấy con dao bằng kim loại, dài khoảng 35cm đâm T1 nhưng không trúng. T1 dùng dao đâm trúng 01 nhát vào cẳng tay phải và 01 nhát vào cẳng chân trái của X. Khi thấy L1 chảy nhiều máu, nằm ngã gục nên T và T1 bỏ chạy. L1 được X và V1 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Q nhưng L1 đã chết trước khi nhập viện (theo Trích lục khai tử số 90/2023 ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi gây án, T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 59T1-908.44, chở T đến nhà Nguyễn Văn Vũ P, địa chỉ tại số A, Ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để ở nhờ và gọi điện cho bạn gái là Trần Thị Bích Đ nhờ đem cục sạc điện thoại đến nhà P. Đến khoảng 01 giờ 50 phút cùng ngày, T1 nhắn tin cho V1 thì được biết L1 đã chết. Tại nhà của P, T và T1 kể lại sự việc đánh nhau và việc L1 đã chết nên có ý định trốn đến Campuchia cho P và Đ biết.

Để chuẩn bị việc bỏ trốn, trong ngày 01/10/2023, T nhờ Đ mua 02 sim điện thoại khuyến mãi và nhờ P đặt xe ô tô, Đ và P đồng ý. P đặt xe ô tô hiệu Hyundai, biển số 62A-136.13 của ông Hồ Minh L2, hẹn đón tại ngã ba T, huyện C, tỉnh Long An. Sau đó, P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 84K1-449.77 chở T1, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 64P1-7709 chở Đ đến điểm hẹn để đón xe. Tại đây, P chuyển khoản cho ông L2 số tiền 5.000.000 đồng (gồm 1.500.000 đồng tiền thuê xe, số tiền còn lại nhờ ông L2 rút để đưa cho T và T1). Khi xe ô tô đến huyện B, tỉnh Long An, T đổi ý không đi cửa khẩu T7, tỉnh Long An mà đi đến tỉnh Bến Tre. Ông L2 lấy tiền thuê xe là 500.000 đồng và phí chuyển tiền là 50.000 đồng, đưa lại số tiền 4.450.000 đồng cho T và T1. Sau đó, T đặt xe ô tô (không xác định biển số và lai lịch người lái xe) đi đến tỉnh Bến Tre ăn uống, rồi đi đến Cửa khẩu T, tỉnh Long An. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi T và T1 đến Cửa khẩu T7 thì bị Bộ đội biên phòng tỉnh L phát hiện, bắt giữ, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H xử lý.

Đối với Nguyễn Hoàng V, sau khi đưa bị hại Trương Minh L1 đến Bệnh viện Q cấp cứu, V đến Công an P4, Quận H trình báo sự việc. Ngày 01/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, triệu tập Nguyễn Hoàng V, Trương Văn X, Trương Văn S1, Nguyễn Văn Vũ P và Trần Thị Bích Đ đến làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1, Nguyễn Hoàng V, Trương Văn X, Trương Văn S1, Nguyễn Văn Vũ P và Trần Thị Bích Đ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 11032-23/KL-KTHS ngày 21/11/2023 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: *"Nguyên nhân chết của Trương Minh L1 là do sốc mất máu không hồi phục do đa vết thương đâm thủng tim, phổi trái, thận"*.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi bổ sung số 10224-24/KL-KTHS ngày 12/9/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: *"1. Cơ chế hình thành thương tích: Các vết thủng da hõm đòn trái, thủng da ngực trái ngang liên sườn 5 trên đường giữa đòn, thủng da lưng trái trên đường nách sau, thủng da lưng trái trên đường nách giữa. Do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm, gây tử vong cho nạn nhân. Các vết thủng da còn lại chỉ gây tổn thương da và cơ. Do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm, không gây tử vong cho nạn nhân; 2. Căn cứ cơ chế hình thành thương tích trên người nạn nhân và đặc điểm hung khí thì con dao dài 18,5cm có cán dao hình chữ nhật bằng kim loại dài 9cm, rộng 3,8cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 9,5cm được mài nhọn có cạnh sắc, bản dao rộng 2cm, chiều dài được mài nhọn có cạnh sắc là 3,7cm. Là vật có cạnh sắc, đầu nhọn. Gây ra được các vết thương nêu trên, dẫn đến tử vong cho nạn nhân*".

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 908/KLTTCT-TTPY.2023 ngày 03/01/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố H kết luận *"thương tích của Nguyễn Hoàng V là 01%*".

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 25/KLTTCT-TTPY.2024 ngày 23/01/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố H kết luận *"thương tích của Trương Văn X là 03%"*.

Tại Bản kết luận giám định số 10021/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng K Công an Thành phố H về giám định cây dũ ba khúc thu giữ của Nguyễn Hoàng V kết luận: "*Đối tượng giám định là dùi cui kim loại, còn sử dụng được, không xác định được nguồn gốc, xuất xứ là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ*".

Tại Văn bản số 532/UBND ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: *"Ủy ban nhân dân phường nhận thấy vụ việc xảy ra trên địa bàn Phường G, hai nhóm đánh nhau trước số B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi công cộng, hậu quả dẫn đến chết người gây tâm lý bất an, hoang mang, lo sợ cho người dân; ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương"*.

Đối với hành vi của Vũ Xuân T và Phan Hoàng T1 gây thương tích cho Trương Văn X và Nguyễn Hoàng V. Ngày 01/02/2024 và ngày 03/02/2025, Trương Văn X và Nguyễn Hoàng V có đơn xin rút lại đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Vũ Xuân T và Phan Hoàng T1.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trương Minh P2 (cha ruột của bị hại Trương Minh L1) yêu cầu bồi thường số tiền 574.000.000 đồng và chi phí cấp dưỡng

hàng tháng là 6.500.000 đồng đến khi ông P2 hết tuổi lao động. Trương Văn X và Nguyễn Hoàng V có đơn không yêu cầu Vũ Xuân T và Phan Hoàng T1 bồi thường về trách nhiệm dân sự. Ông Vũ Đức C2 (là cha ruột của T) đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng, riêng bị cáo Phan Hoàng T1 chưa bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 242/CT-VKS-P209/4/2025Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tố các bị cáo Vũ Xuân Trường và Phan Hoàng Tuấn về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Trương Văn S1, Trương Văn X và Nguyễn Hoàng V về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Vũ P và Trần Thị Bích Đ về tội "Che giấu tội phạm" theo điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 672/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 58; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T tù chung thân về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng T1 20 (hai mươi) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Vũ P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Che giấu tội phạm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trương Văn S1, Trương Văn X, Nguyễn Hoàng V, Trần Thị Bích Đ; trách nhiệm dân; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 06/10/2025, bị cáo Nguyễn Văn Vũ P kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Ngày 08/10/2025, bị cáo Vũ Xuân T kháng cáo xin giảm hình phạt;
- Ngày 09/10/2025, bị cáo Phan Hoàng T1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Phần xét hỏi: Tất cả các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt (các

bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1); xin được hưởng án treo (bị cáo Nguyễn Văn Vũ P) và trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo Bản án sơ thẩm đã xét xử, chỉ kháng cáo xin xem xét về phần hình phạt.

2. Phần tranh luận:

2.1. Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm có 03/07 bị cáo có kháng cáo. Các kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, trong thời hạn quy định pháp luật nên đủ điều kiện thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

- Bị cáo T: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tình tiết thể hiện gia đình bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho gia đình bị hại và bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Mặc dù, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì các tình tiết giảm nhẹ mới không đủ căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo T1: Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

- Bị cáo P: Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì mức án sơ thẩm tuyên xử là đảm bảo cho việc răn đe, giáo dục người phạm tội, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2.2. Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nhận định của Bản án sơ thẩm có vài tình tiết chưa phản ánh đầy đủ quá trình diễn ra sự việc, khi nhóm bị cáo và bị hại hẹn gặp đánh nhau thì các bên đều không mang hung khí, bị cáo T không có sự chuẩn bị hung khí từ trước; các bị cáo còn quá trẻ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; chính bị hại là người đánh vào mặt bị cáo T trước, khi 02 bên thực hiện đánh nhau thì nhóm bị hại đông hơn và có hung khí nên bị cáo T đánh trả. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ mới sau khi xét xử sơ thẩm để giảm hình phạt cho bị cáo.

2.3. Người bào chữa cho bị cáo Phan Hoàng T1 trình bày: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo là có phần nghiêm khắc, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, xin áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

2.4. Bị cáo Nguyễn Văn Vũ Phương trình B1: Bị cáo có 03 con nhỏ, trong đó có con mới sinh, xin cho bị cáo được hưởng án treo để chăm lo gia đình.

3. P3 nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1 và Nguyễn Văn Vũ P thực hiện việc kháng cáo theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Qua lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 01/10/2023, do mâu thuẫn cá nhân với Nguyễn Hoàng V, Vũ Xuân T đã rủ Phan Hoàng T1, Bùi Minh C1 và Cao Hoàng T6 cùng gặp nhóm của V (gồm V, X, S1 và bị hại L1) để giải quyết mâu thuẫn. Khi đến hẻm B P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, T6 và C1 cầm hung khí bỏ đi về nhà (theo yêu cầu của T1, do T1 thấy V là người quen). Sau khi cự cãi, T có hành vi dùng dao dài đâm nhiều nhát vào ngực trái của Trương Minh L1, hậu quả L1 chết do sốc mất máu, không phục hồi do đa vết thương đâm thủng tim, phổi trái, thận.

T, T1 thấy L1 chảy nhiều máu nên hoảng sợ bỏ trốn đến nhà của Nguyễn Văn Vũ P, kể sự việc cho P và Trần Thị Bích Đ. Sau đó, T và T1 nhờ P và Đ giúp hai bị cáo bỏ trốn sang Campuchia.

[2.2] Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo T, T1 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo S1, V, X, P, Đ cũng gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn, xã hội.

[2.3] Với hành vi nêu tại mục [2.1] và nhận định tại mục [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1 phạm tội "Giết người", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123; bị cáo Nguyễn Văn Vũ P phạm tội "Che giấu tội phạm" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo về việc xin giảm hình phạt của bị cáo Vũ Xuân T:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình có công với cách mạng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại là 140.000.000 đồng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo T tù chung thân là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm hình phạt và cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại với số tiền 126.000.000 đồng theo Biên bản giao nhận tiền ngày 17/01/2026; Ông Trương Minh P2 (cha của bị hại Trương Minh L1) có Đơn bãi nại ngày 17/01/2026 xin giảm hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, T là người chủ động rủ rê những người khác và chuẩn bị hung khí. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện; các tình tiết mới cung cấp tại cấp phúc thẩm không làm thay đổi đáng kể tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T. Số tiền mà gia đình bị cáo đã khắc phục cho gia đình bị hại sẽ được xem xét trừ phần trách nhiệm dân sự của bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Hoàng T1:

Trong vụ án này, bị cáo T và T1 đồng phạm về tội Giết người. Trong đó, bị cáo T1 đóng vai trò giúp sức tích cực, giúp T chuẩn bị hung khí và cùng tham gia đánh nhau. Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại 10.000.000 đồng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo T1 20 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Vũ P:

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét mức độ thực hiện hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong đồng phạm, nhân thân; xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là trụ cột chính duy nhất trong gia đình, cha mẹ già, và có 03 con nhỏ (lớn nhất sinh 2015, nhỏ nhất mới sinh vào tháng 5/2025), trình độ học vấn thấp nên cũng cần xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; từ đó xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do bị cáo thực hiện.

Quá trình tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1 và Nguyễn Văn Vũ P;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 672/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1 phạm tội "Giết người"; Bị cáo Nguyễn Văn Vũ P phạm tội "Che giấu tội phạm";

1.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 58; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân T tù chung thân về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

1.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng T1 20 (hai mươi) năm tù về tội "Giết người". Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2023.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Vũ P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Che giấu tội phạm". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1 để đảm bảo thi hành án.

2. Số tiền 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng) theo Biên bản giao nhận tiền ngày 17/01/2026 giữa ông Vũ Đức C2 (cha của bị cáo Vũ Xuân T) với ông Trương Minh P2 sẽ được xem xét trừ vào phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Vũ Xuân T trong giai đoạn thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Vũ Xuân T, Phan Hoàng T1 và Nguyễn Văn Vũ P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG Chí Hòa – T30;
(Tống đạt cho bị cáo (2))
- BCTN (1);
- Lưu (10) 26b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn